

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2024

"V/v không công nhận quan hệ vợ  
chồng tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Pha

Bà Ca Dá Thị Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cadá Thị N, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Phát - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Pilao G, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Xuân Lượng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cadá Thị N bày:

Bà và ông Pilao G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có giấy đăng ký kết hôn, trong cuộc sống gia đình thời gian đầu vợ chồng

sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2016 đến nay hai người không còn sống chung và không còn quan tâm gì đến nhau bỏ mặc mạnh ai nấy sống, vì vậy bà làm đơn yêu cầu không công nhận bà và ông G là vợ chồng.

*Về con chung:* Bà và ông G có 06 (sáu) người con chung là cháu Cadá Ng, sinh ngày 01/01/1998; Cadá Thị Ô, sinh ngày 01/01/2000; Cadá D, sinh ngày 27/11/2005; Cadá S, sinh ngày 26/7/2007; Cadá M, sinh ngày 27/11/2011 và Cadá Tr, sinh ngày 09/4/2015. Hiện nay bà làm nông có thu nhập tương đối ổn định để lo cho các con. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông G là vợ chồng, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Cadá S; Cadá M và Cadá Tr, bà không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các cháu Cadá Ng; Cadá Thị Ô và Cadá D đã thành niên có khả năng lao động tự túc được nên bà không có yêu cầu gì.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà không yêu cầu giải quyết.

*Mặc dù không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong lời khai ngày 18/10/2024 bị đơn ông Pilao G đã trình bày:*

Ông và bà Cadá Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có giấy đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2016 đến nay hai người không còn quan tâm gì đến nhau bỏ mặc mạnh ai nấy sống nay bà N làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng thì ông cũng đồng ý.

*Về con chung:* Ông và bà N có 06 (sáu) người con chung là cháu Cadá Ng, sinh ngày 01/01/1998; Cadá Thị Ô, sinh ngày 01/01/2000; Cadá D, sinh ngày 27/11/2005; Cadá S, sinh ngày 26/7/2007; Cadá M, sinh ngày 27/11/2011 và Cadá Tr, sinh ngày 09/4/2015. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng, ông đồng ý giao cháu Cadá S; Cadá M và Cadá Tr cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với cháu Cadá Ng; Cadá Thị Ô và Cadá D đã thành niên có khả năng lao động tự túc được nên ông không có yêu cầu gì.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ông Ngô Văn Phát là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Cadá Thị N; Ông Lê Xuân Lượng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Pilao G cùng trình bày: Bà Cadá Thị N và ông Pilao G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có giấy đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2016 đến nay hai người không còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, nay bà N làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và 83 của Luật

Hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận bà N và ông G là vợ chồng. Giao cháu Cadá S; Cadá M; Cadá Tr cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn ông G cư trú ở thôn M, xã P, huyện Bác Ái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cadá Thị N và ông Pilao G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có giấy đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2016 đến nay hai người không còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, vì vậy bà N làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cadá Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Cadá Thị N và ông Pilao G là vợ chồng.

- Về con chung: Giao các cháu Cadá S; Cadá M và Cadá Tr cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông G Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bà đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Cadá Thị N.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/02/2023, bà Cadá Thị N đã làm đơn đến Tòa án huyện Bắc Ái yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Pilao G, hiện nay ông G đang cư trú tại thôn M, xã P, huyện B. Tòa án huyện Bắc Ái đã áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Ngày 18/10/2024 ông Pilao G đã làm đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông G là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cadá Thị N và ông Pilao G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có giấy đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2016 đến nay hai người không còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau ai nấy sống, nay bà N làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận bà N và ông G là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Bà N và ông G có 06 (sáu) người con chung là cháu Cadá Ng, sinh ngày 01/01/1998; Cadá Thị Ô, sinh ngày 01/01/2000; Cadá D, sinh ngày 27/11/2005; Cadá S, sinh ngày 26/7/2007; Cadá M, sinh ngày 27/11/2011 và Cadá Tr, sinh ngày 09/4/2015. Trong quá trình giải quyết các con của bà N có nguyện vọng được ở với mẹ, tại phiên tòa bà N cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cadá S; Cadá M và Cadá Tr và không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 15, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Đối với cháu Cadá Ng; Cadá Thị Ô và Cadá D đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được nên bà N và ông G không có yêu cầu gì nên không xét đến.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông G không có yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Cadá Thị N.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cadá Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Cadá Thị N và ông Pilao G là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cadá S, sinh ngày 26/7/2007; cháu Cadá M, sinh ngày 27/11/2011 và cháu Cadá Tr, sinh ngày 09/4/2015 cho bà Cadá Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Pilao G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Cadá Thị N.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/11/2024).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thiện**